BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

TẠ XUÂN PHƯƠNG

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HỢP TÁC THEO NHÓM TRONG MÔN ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC

***Chuyên ngành*: Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lí**
Mã số: 62.14.01.11

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

HÀ NỘI – 2017

LUẬN ÁN ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

***Người hướng dẫn khoa học*:**

1. PGS.TS. NGÔ QUANG SƠN

2. TS. NGÔ THỊ HẢI YẾN

Phản biện 1: PGS.TS. Đậu Thị Hòa

Trường ĐHSP - Đại học Đà Nẵng

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Thị Tuyết Nga

Viện KHGD Việt Nam

Phản biện 3: PGS.TS. Nguyễn Phương Liên

Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng cấp trường họp tại
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
vào hồi … giờ, ngày … tháng năm 2017

Có thể tìm đọc luận án tại:

- Thư viện Quốc gia;
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Trong xu thế hội nhập thế giới và khu vực, với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tri thức, hơn bao giờ hết đổi mới giáo dục trở thành vấn đề cấp thiết đặt ra cho tất cả các ngành học, cấp học thuộc hệ thống giáo dục phổ thông nước ta hiện nay nhằm đáp ứng những yêu cầu của thời đại, yêu cầu của công cuộc Đổi mới, của sự nghiệp CNH&HĐH đất nước.

Hệ thống các trường Dự bị Đại học dân tộc (DBĐHDT) là loại hình trường chuyên biệt thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước trong việc bồi dưỡng tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số cho các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa trong cả nước.

Mục tiêu chương trình môn Địa lí nói riêng và các môn học khác nói chung ở các trường DBĐHDT là củng cố, hệ thống hóa, phát triển và hoàn chỉnh tri thức phổ thông nền tảng, bồi dưỡng và nâng cao về phẩm chất, năng lực, có khả năng tự học để tiếp tục học lên đại học, cao đẳng cho HS người dân tộc thiểu số. Do đó việc đổi mới PPDH của bộ môn theo hướng góp phần phát triển năng lực cho người học hiện nay đang là vấn đề được quan tâm hàng đầu để thực hiện mục tiêu đó.

Phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm (HTTN) là một trong những phương pháp dạy học (PPDH) hiện đại nhằm sử dụng trí tuệ tập thể của học sinh (HS) để thực hiện nhiệm vụ học tập. Thông qua phương pháp này sẽ giúp HS hình thành và rèn luyện được rất nhiều kỹ năng trong học tập cũng như giao tiếp, giúp HS tự tin vào bản thân, thể hiện và phát triển được các năng lực của mình. Điều này đặc biệt có ý nghĩa, vì HS các trường DBĐHDT đều đến từ các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc với truyền thống văn hóa và tập quán khác nhau, là những nơi có điều kiện kinh tế - xã hội (KT-XH) khó khăn. Từ những lí do trên, với mong muốn nâng cao chất lượng trong quá trình dạy học (DH), tác giả đã chọn đề tài nghiên cứu: ***"Vận dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở Trường Dự bị đại học Dân tộc".***

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở Trường DBĐHDT nhằm để tích cực hóa hoạt động học tập của HS theo

hướng phát triển năng lực. Đồng thời qua đó góp phần đổi mới PPDH và nâng cao chất lượng DH bộ mộn đáp ứng các mục tiều đề ra.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lí luận và thực tiễn của việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường DBĐHDT.

- Xác định các yêu cầu, nguyên tắc tổ chức PPDH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường DBĐHDT.

- Đề xuất quy trình và các biện pháp tổ chức DH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường DBĐHDT.

- Vận dụng các biện pháp vào thiết kế và tổ chức DH hợp tác theo nhóm trong một số bài học Địa lí ở trường DBĐHDT.

- Thực nghiệm sư phạm để đánh giá tính khả thi và hiệu quả của việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường DBĐHDT. Đưa ra các kết luận và khuyến nghị.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiện cứu của đề tài là cách thức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH môn Địa lí ở trường DBĐHDT.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án giới hạn phạm vi nghiên cứu việc sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm để tổ chức các hoạt động học tập trong bài các bài học Địa lí ở trường DBĐHDT.

4. Giả thuyết khoa học

Nếu vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm một cách linh hoạt, hợp lí và đảm bảo các yêu cầu, nguyên tắc DH thì sẽ tích cực hóa hoạt động học tập của HS theo hướng phát triển năng lực góp phần nâng cao chất lượng DH Địa lí ở trường DBĐHDT.

5. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

5.1. Tình hình nghiên cứu PPDH hợp tác theo nhóm trên thế giới

Có rất nhiều các nhà nghiên cứu, nhà giáo dục (GD) học trên thế giới đã tập trung nghiên cứu về PPDH theo nhóm ở nhiều góc độ khoa học khác nhau:

- Thứ nhất là những nghiên cứu về vai trò cũng như mục đích của việc DH theo nhóm, chia nhóm trong quá trình học tập của người học.

- Thứ hai là những nghiên cứu về quy trình, nguyên tắc PPDH hợp tác theo nhóm.

- Thứ ba là những nghiên cứu về vai trò của giáo viên (GV), người tổ chức hướng dẫn trong quá trình thực hiện PPDH hợp tác theo nhóm.

- Thứ tư là những nghiên cứu về yếu tố đặc trưng quyết định tính hiệu quả trong hoạt động HTTN.

- Thứ năm là việc nghiên cứu, vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí trên thế giới cũng được nhiều nhà GD quan tâm nghiên cứu.

5.2. Tình hình nghiên cứu PPDH hợp tác theo nhóm trong nước

Nghiên cứu, tổng kết về hợp tác nhóm trong DH ở nước ta có thể thấy nổi bật lên hai nhóm:

Nhóm thứ nhất, chuyên nghiên cứu trên phương diện lí thuyết: Nhóm này thiên về việc đưa ra những quan niệm về hợp tác học tập trong DH, phân tích vai trò, ý nghĩa của việc sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong việc nâng cao chất lượng DH, đưa ra quy trình tổ chức…

Nhóm thứ hai, nghiên cứu PPDH hợp tác theo nhóm trên phương diện thực hành, thông qua các dự án, các thực nghiệm, các đợt tập huấn,… nhằm đưa DH hợp tác theo nhóm vào thực tiễn DH ở từng bộ môn.

6. Quan điểm và phương pháp nghiên cứu

6.1. Quan điểm nghiên cứu

Luận án đã vận dụng các quan điểm nghiên cứu sau: Quan điểm duy vật biện chứng, Quan điểm hệ thống, Quan điểm công nghệ DH, Quan điểm lấy HS làm trung tâm, Quan điểm DH theo định hướng phát triển năng lực.

6.2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả đã sử dụng các nhóm phương pháp nghiên cứu: Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận, Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn, Phương pháp toán học.

7. Những đóng góp của luận án

7.1. Về lý luận

- Kết quả nghiên cứu của luận án đã góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận về việc tổ chức DH Địa lí theo phương pháp hợp tác nhóm nói chung và DH Địa lí ở trường DBĐHDT nói riêng. Luận án góp phần làm phong phú thêm LLDH bộ môn về vấn đề vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí

- Luận án đã đề xuất được cách thức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm vào trong trình DH Địa lí ở trường DBĐHDT.

7.2. Về thực tiễn

- Luận án đã cung cấp những số liệu điều tra, khảo sát về thực trạng tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT. Đánh giá đúng thực trạng của việc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT hiện nay. Chỉ rõ nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng vấn đề nghiên cứu làm cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp.

- Thiết kế, tổ chức thực nghiệm một số biện pháp đề xuất. Kết quả thực nghiệm đã khẳng định tính hiệu quả và khả thi của biện pháp.

- Kết quả nghiên cứu của đề tài luận án là tài liệu tham khảo bổ ích cho GV và HS các trường DBĐHDT, cho Nghiên cứu sinh, học viên Cao học, GV THPT, cho sinh viên các trường cao đẳng và đại học sư phạm.

8. Cấu trúc luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, tài liệu tham khảo và phần phụ lục, nội dung luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lí luận và thực tiễn của việc vận dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm trong dạy học Địa lí ở trường Dự bị Đại học dân tộc

Chương 2: Tổ chức dạy học hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường Dự bị Đại học dân tộc

Chương 3: Thực nghiệm sư phạm

Chương 1
CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HỢP TÁC THEO NHÓM TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC

1.1. Những vấn đề cơ bản về đổi mới giáo dục và đào tạo ở phổ thông

1.1.1. Một số quan điểm chỉ đạo đổi mới GD phổ thông

Quan điểm chỉ đạo phát triển GD của Đảng ta khẳng định: Phát triển GD phải thực sự là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của

toàn dân. Cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của Nhà nước, nâng cao vai trò các tổ chức, đoàn thể chính trị, kinh tế, xã hội trong phát triển GD. Theo đó, Nghị quyết 29 - NQTW ngày 4/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI khẳng định: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Giáo dục phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; dạy người, dạy chữ và dạy nghề.

1.1.2. Đổi mới nội dung chương trình DH phổ thông

Yêu cầu đặt ra là phải từng bước chuyển từ chương trình GD theo định hướng nội dung sang chương trình GD theo định hướng năng lực nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong xu thế hội nhập sâu rộng của nền KT-XH đất nước.

1.1.3. Đổi mới PPDH nhằm chú trọng phát triển năng lực của học sinh

Cùng với đổi mới nội dung, chương trình tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại phát huy tính tích cực, chủ động, phát triển năng lực sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Đổi mới PPDH theo quan điểm phát triển năng lực không chỉ chú ý tích cực hoá HS về hoạt động trí tuệ. Tăng cường việc học tập trong nhóm, đổi mới quan hệ GV – HS theo hướng cộng tác có ý nghĩa quan trọng nhằm phát triển năng lực xã hội.

1.2. Phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm

1.2.1. Khái niệm PPDH hợp tác theo nhóm

Trên cơ sở kế thừa các định nghĩa và các quan điểm về PPDH hợp tác theo nhóm, kết hợp với việc xem xét dấu hiệu bản chất của loại hình dạy học này, chúng tôi quan niệm: “ *PPDH hợp tác theo nhóm là phương pháp GV chia HS trong lớp (nhóm lớn) thành các nhóm nhỏ sao cho tất cả các thành viên trong lớp đều được làm việc, thảo luận và hợp tác với nhau để đưa ra ý kiến chung của nhóm mình về vấn đề đó”*.

1.2.2. Cơ sở khoa học của PPDH hợp tác theo nhóm

Trong thế kỉ XX và những năm đầu của thế kỉ XXI, rất nhiều lí thuyết học tập mới đã ra đời để đáp ứng sự đổi mới của GD. Có rất nhiều mô hình lí thuyết khác nhau, trong đó có một số thuyết học tập làm cơ sở cho việc sử dụng PPDH theo nhóm trong DH. Đó là thuyết học tập mang tính xã hội, thuyết giải quyết mâu thuẫn, thuyết hợp tác tập thể và thuyết dạy lẫn nhau.

1.2.3. Ưu và nhược điểm của PPDH hợp tác theo nhóm

* *Ưu điểm:* Học tập HTTN nâng cao kết quả học tập, tạo ra những thành công trong học tập. Tăng cường khả năng tư duy phê phán, vì HS khi học tập hợp tác nhóm phải nắm bắt, kiểm tra, đánh giá thông tin một cách hợp lí, áp dụng chúng một cách phù hợp và sáng tạo. Học tập hợp tác nhóm sẽ tăng cường thái độ tích cực với môn học. Nâng cao năng lực hợp tác giữa các HS với nhau. Tạo ra tâm lí lành mạnh, yêu thương lẫn nhau và trách nhiệm.Tăng cường đánh giá đồng đẳng và tự đánh giá trong nhóm. Góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kì hội nhập và đổi mới đất nước.

* *Nhược điểm:* Đòi hỏi nhiều thời gian, không gian lớp học đủ rộng. Hiệu quả học tập của nhóm phụ thuộc rất nhiều vào tinh thần tham gia của các thành viên trong nhóm và các tác động từ bên ngoài.

* *Giải pháp:* GV cần phải nắm vững phương pháp thực hiện DH hợp tác theo nhóm, phải có năng lực lập kế hoạch và tổ chức. Lựa chọn nội dung thảo luận phù hợp, linh hoạt trong việc tổ chức chia nhóm và nghiên cứu nội dung học tập để có biện pháp sử dụng các kĩ thuật thảo luận phù hợp nhằm phát huy các năng lực của mỗi HS.

1.2.4. Bản chất của PPDH hợp tác theo nhóm

Tính hợp tác trong học tập: HS có hai trách nhiệm: (1) Thực hiện nhiệm vụ được giao; (2) Giúp các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao. *Sự tương tác "mặt đối mặt" trong nhóm:* Học tập HTTN, đòi hỏi sự trao đổi qua lại tích cực giữa các thành viên trong nhóm. *Trách nhiệm cá nhân:* Mỗi thành viên trong nhóm được phân công thực hiện một vai trò nhất định và hiểu rằng họ không thể dựa vào công việc của người khác. *Sử dụng kĩ năng giao tiếp và kĩ năng xã hội:* Kĩ năng là việc nắm vững cách thức hành động và chú ý tới cả kết quả hành động. *Đánh giá hoạt động của nhóm:* Nhận xét đánh giá hoạt động nhóm là một bộ phận cấu thành của học tập HTTN.

1.3. Mục tiêu, nội dung chương trình môn Địa lí của hệ DBĐHDT

1.3.1. Mục tiêu chương trình Địa lí ở trường DBĐHDT

- *Mục tiêu chung:* Chương trình Địa lý ở DBĐHDT tiếp tục củng cố, hệ thống hóa phát triển và hoàn chỉnh tri thức phổ thông để tiếp tục học lên đại học, cao đẳng.

- *Mục tiêu về kiến thức:* Khắc sâu hơn những kiến thức về đặc điểm tự nhiên, dân cư và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và thế giới.

- *Mục tiêu về kĩ năng:* Củng cố và rèn luyện các kỹ năng Địa lí cho HS như: kỹ năng quan sát, nhận xét, phân tích, đánh giá, tổng hợp, so sánh các đối tượng Địa lí.

- *Về thái độ:* Nâng cao tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước của Việt Nam cũng như của nhân loại.

- *Mục tiêu hình thành các năng lực chính:* Hình thành và phát triển các năng lực chung và phát triển các năng lực chuyên biệt của môn Địa lí cho HS.

1.3.2. Nội dung chương trình Địa lí hệ DBĐHDT

Nội dung chương trình Địa lí hệ Dự bị Đại học Dân tộc được thực hiện theo Thông tư số 48/2012/TT-BGDĐT và Thông tư 26/2016/TT-BGDĐT của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.4. Thực trạng của việc sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT

1.4.1. Thực trạng dạy học HTTN ở trường DBĐHDT

1.4.1.1. Kết quả khảo sát GV về việc dạy học HTTN

Mức độ sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm của GV: Qua điều tra, khảo sát, chúng tôi nhận thấy PPDH hợp tác theo nhóm đã được áp dụng trong thực tế giảng dạy, tuy nhiên PPDH này cùng các kĩ thuật trong dạy học HTTN, không phải là phương pháp được sử dụng thường xuyên nhất. Về tổ chức và điều khiển hoạt động của nhóm: đa số GV sử dụng cách chia nhóm theo bàn học. Nhận thức vai trò của dạy học HTTN: GV nhận thức khá tích cực về vai trò cũng như ưu điểm của học tập HTTN.

Tính hiệu quả học tập HTTN và các kĩ thuật trong tổ chức nhóm học tập: có 15% các thầy cô đánh giá rất hiệu quả, 60% thầy cô cho rằng phương pháp học tập HTTN là hiệu quả. Đánh giá kĩ năng tổ chức hoạt động học tập HTTN: có 50% các thầy cô thành thạo và 30% GV cho rằng cần phải bồi dưỡng thêm.

1.4.1.2. Kết quả khảo sát HS về học tập HTTN

Qua khảo sát, tác giả nhận thấy hầu hết HS ở các trường DBDT đều hứng thú với hoạt động học tập HTTN, trung bình có đến 85.5% HS trả lời rằng mình chưa có các kĩ năng về học tập HTTN. Về nhu cầu học tập HTTN của HS trường DBĐHDT, kết quả điều tra trung bình có đến 87.5% HS muốn thường xuyên được

học tập HTTN. Về tần suất học nhóm của HS ở THPT: Khi được hỏi ở THPT, các em đã được học nhóm chưa thì có 77.5% trả lời có, còn lại 22.5% chưa được học. Tính hiệu quả học tập HTTN ở trường THPT của HS: chỉ có 18.75% HS cho rằng học nhóm có hiệu quả.

1.4.2. Nguyên nhân ảnh hưởng đến việc tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí hiện nay ở trường DBĐHDT

Về phía GV: Thói quen ngại thay đổi và lối mòn trong giảng dạy. Hạn chế về năng lực sư phạm, GV chưa có cách đánh giá một cách công bằng. Về phía HS: Kĩ năng làm việc nhóm, hợp tác và khả năng diễn đạt của HS dân tộc còn nhiều hạn chế. Sự khác biệt về truyền thống văn hóa của HS dân tộc. Các nguyên nhân khác: nội dung của môn khá dài, lớp học đông, cơ sở vật chất chưa đồng bộ.

1.5. Đặc điểm tâm sinh lí và trình độ nhận thức của HS ở trường DBĐHDT

1.5.1. Đặc điểm tâm sinh lí của HS trường DBĐHDT

Với HS trường DBĐHDT, các em có độ tuổi trung bình là 18 - 19 tuổi, thậm chí nhiều em độ tuổi 20 -21 tuổi, các em đã bắt đều bước vào độ tuổi thanh niên. Tuy nhiên, HS ở các trường DBĐHDT đều là con em đồng bào các dân tộc ít người, bởi vậy, phần lớn HS đều rất thật thà và luôn có tâm lí e ngại thể hiện mình trước đám đông, không tự tin, thậm chí có nhiều HS phát âm tiếng Việt cũng còn chưa chuẩn nên khả năng diễn đạt hạn chế. Đó cũng là những khó khăn, hạn chế đối với GV khi tổ chức các hoạt động học tập HTTN cho HS trong quá trình giảng dạy. Song nếu GV hướng dẫn chi tiết và luôn động viên, khích lệ thì các em lại tham gia rất nhiệt tình, trách nhiệm vì vốn mang sẵn bản tính trung thực, thật thà.

1.5.2. Trình độ nhận thức của HS dân tộc

Xu hướng nhận thức của các em thường thiên về tự nhiên, trực quan sinh động. Quá trình học tập, sinh hoạt và tư duy của các em còn chịu ảnh hưởng rất lớn bởi truyền thống, văn hóa đặc trưng dân tộc mình. Khả năng tư duy trừu tượng, tư duy phản biện, logic cũng như tinh thần hợp tác, chia sẻ, giao tiếp trong quá trình học tập của HS dân tộc còn một số hạn chế nhất định.

Chương 2
TỔ CHỨC DẠY HỌC HỢP TÁC THEO NHÓM TRONG MÔN ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC

2.1. Yêu cầu và nguyên tắc khi tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường DBĐHDT

2.1.1. Các yêu cầu khi tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT

2.1.1.1. Yêu cầu đối với GV

Thứ nhất GV phải hiểu được bản chất của PPDH hợp tác theo nhóm. Thứ hai GV phải nhận thức và thực hiện tốt được vai trò của người dạy trong quá trình tổ chức hoạt động DH hợp tác theo nhóm.

2.1.1.2. Yêu cầu đối với HS

Nhận thức đúng và đầy đủ nhiệm vụ được giao, có tinh thần trách nhiệm cao, tích cực, tự giác không ỷ lại vào các thành viên khác trong nhóm. Tôn trọng ý kiến của các thành viên khác đưa ra, không phải đối đầu mà là tranh luận, đối thoại. Không nói chuyện hay làm việc riêng trong khi thảo luận nhóm.

2.1.1.3. Yêu cầu về cơ sở vật chất

Về cơ sở vật chất: Cơ sở vật chất phục vụ cho quá trình tổ chức hoạt động học tập HTTN như kích thước phòng học, không gian lớp học cũng phải được đảm bảo. *Về phương tiện DH:* phải chuẩn bị các phương tiện cần thiết cũng như đặc trưng của bộ môn Địa lí như: Bản đồ, bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh, máy tính, máy chiếu, video…để phục vụ cho các nhiệm vụ trong quá trình hợp tác thảo luận.

2.1.2. Nguyên tắc khi tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT

2.1.2.1. Đảm bảo mối quan hệ biện chứng, hữu cơ giữa vai trò chủ đạo trong tổ chức, điều khiển, hướng dẫn của GV với tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS: GV đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn, điều khiển các hoạt động thảo luận còn HS là chủ thể hoạt động tích cực, chủ động, sáng tạo.

2.1.2.2. Đảm bảo sự hài hòa giữa hình thức học cá nhân, học nhóm và học tập thể: Căn cứ vào tính chất quan hệ của cá nhân trong quá trình học tập, người ta phân chia thành ba hình thức hoạt động DH cơ bản là hoạt động cá nhân, hoạt động theo nhóm và hoạt động tập thể. Mỗi cá nhân sẽ đóng góp cho hoạt động

của nhóm cao nhất khi họ được đảm nhận những nhiệm vụ phù hợp với năng lực và sở trường của bản thân.

2.1.2.3. Đảm bảo tính hệ thống

Quy trình tổ chức hoạt động học tập HTTN mang tính hệ thống, cấu trúc. Nó bao gồm nhiều nhân tố và nhiều quy trình có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Quy trình dạy học HTTN phải là một chỉnh thể thống nhất giữa quy trình dạy và quy trình học. Xây dựng quy trình tổ chức hoạt động học tập HTTN đảm bảo tính hệ thống cấu trúc nghĩa là phải phân chia quy trình đó thành các giai đoạn, trong đó có giai đoạn mở đầu và giai đoạn kết thúc.

2.1.2.4. Đảm bảo tính thực tiễn: Quy trình tổ chức hoạt động học tập HTTN phải được tổ chức phù hợp với nội dung, đặc điểm tâm sinh lí của HS, phù hợp với cơ sở vật chất, trang thiết bị DH hay chính là phù hợp với thực tiễn.

2.1.2.5. Đảm bảo tính toàn diện: Nguyên tắc này đòi hỏi phải tác động tới tất cả các thành tố trong quy trình dạy học, làm cho các thành tố đó vận động và phát triển tốt nhằm đạt hiệu quả cao trong quá trình tổ chức và thực hiện trên nhiều phương diện. Hiệu quả về GD, hiệu quả kinh tế.

2.1.2.6. Đảm bảo tính phân hóa trong dạy học HTTN: Phân hóa trong thiết kế các nhiệm vụ học tập; Phân hóa trong tổ chức các nhóm học tập; Phân hóa trong việc tổ chức và điều khiển hoạt động hợp tác nhóm; Phân hóa trong đánh giá kết quả hoạt động giữa các nhóm.

2.2. Quy trình tổ chức DH hợp tác theo nhóm trong dạy học Địa lí ở trường DBĐHDT

Quy trình này là sự kết hợp hữu cơ của 5 bước sau:

Bước 1. Xác định mục tiêu, nội dung vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm

Bước 2. Chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm

Bước 3. Tổ chức hướng dẫn HS tiến hành thảo luận

Bước 4. Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thảo luận hợp tác

Bước 5. Tổ chức đánh giá trong dạy học hợp tác theo nhóm

2.2.1. Xác định mục tiêu, nội dung vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm

2.2.1.1. Xác định mục tiêu bài học

a. Tầm quan trọng của việc xác định mục tiêu bài học

Đây là một trong những bước rất quan trọng trong quy trình tổ chức dạy học HTTN đòi hỏi GV cần phải có kĩ năng, kinh nghiệm để lựa chọn, thiết kế

xây dựng được những nội dung thảo luận hấp dẫn với HS, những tình huống có vấn đề để HS tranh luận, lí giải.

b. Cách xác định mục tiêu.

Bước 1: Lựa chọn các kiến thức cơ bản, các kĩ năng, thái độ cần phải đạt được của bài học. *Bước 2*: Xác định rõ mức độ cần đạt được về kiến thức, kĩ năng, thái độ và diễn đạt bằng các *"động từ hoá"*.

2.2.1.2. Xác định nội dung thảo luận HTTN

Để xác định được đúng nội dung cho hoạt động học tập hợp tác trong quá trình tổ chức vận dụng, GV cần phải căn cứ vào một số định hướng sau: Căn cứ vào mục tiêu của cụ thể từng bài học và phải xác định rõ mục tiêu của bài đó, vì đấy là cơ để xác định mục tiêu của hoạt động HTTN trong bài. Căn cứ theo chuẩn kỹ năng. Căn cứ vào nội dung kênh chữ trong giáo trình, vì giáo trình vừa là tài liệu học tập chính và đó là cơ sở để giúp HS tự học, mở rộng kiến thức.

2.2.2. Chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm

Bước 1: Xác định quy mô nhóm: Trong giai đoạn đầu của việc hình thành kĩ năng HTTN, nên bắt đầu với nhóm nhỏ từ 3 - 6 HS hoặc trao đổi đôi một. Khi HS đã có những kinh nghiệm, kĩ năng hợp tác thì quy mô nhóm tăng dần, tuy nhiên không nên vượt quá 8 thành viên.

Bước 2: Lựa chọn các thành viên vào một nhóm: Tùy thuộc vào nội dung và nhiệm vụ mà GV lựa chọn cách giao nhiệm vụ cho phù hợp. Trong quá trình vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, GV có thể lựa chọn một số cách giao nhiệm vụ cho nhóm như: Nhóm đồng việc, nhóm chuyên sâu, nhóm ngẫu nhiên, nhóm sở trường, nhóm theo địa phương, nhóm theo thành phần dân tộc.

Bước 3: Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm: Các thành viên trong nhóm cần có nhiệm vụ, vai trò rõ ràng. Sau mỗi hoạt động nhóm, các thành viên cần thay đổi vị trí cho nhau, tránh tình trạng mỗi thành viên đóng một vai trò, nhiệm vụ quá lâu. Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm có thể bao gồm: Điều khiển nhóm; thư kí nhóm; báo cáo kết quả hợp tác; theo dõi; khuyến khích nhóm, phân bố thời gian.

2.2.3. Tổ chức hướng dẫn HS tiến hành thảo luận

Để quá trình thảo luận hợp tác trong nhóm mang lại hiệu quả cao trong thời gian có hạn, cả GV và HS cần chú ý: các nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ

được giao, mỗi nhóm nên cử một trưởng nhóm và một thư kí. GV cần theo dõi sát sao hoạt động của nhóm nhằm khích lệ, giúp đỡ hoạt động của nhóm để đảm bảo hiệu quả của quá trình hợp tác trong nhóm.

2.2.4. Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thảo luận, hợp tác

Sau một thời gian hoạt động nhóm tích cực, mỗi nhóm đã tạo ra được sản phẩm của mình. Vì vậy, việc tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả là thực sự cần thiết, giúp các em công bố sản phẩm của nhóm mình.

2.2.4.1. Về phương án tổ chức cho đại diện nhóm báo cáo

2.2.4.2. Về dự kiến hình thức sản phẩm trình bày, báo cáo của nhóm

GV có thể hướng dẫn HS sử dụng các hính thức sau để báo cao như: Sử dụng đồ dùng trực quan; sơ đồ tư duy; theo phương pháp thị trường; sử dụng CNTT.

2.2.5. Tổ chức đánh giá trong dạy học HTTN

2.2.5.1. Nguyên tắc, yêu cầu và cơ sở trong đánh giá kết quả làm việc nhóm

Một số nguyên tắc đánh giá kết quả của HS khi tổ chức hoạt động HTTN. Đánh giá thành tích của mỗi HS trên cơ sở những đóng góp của các em trong nhóm học tập. Đánh giá các hoạt động của nhóm và các thành viên cần tiến hành thường xuyên, liên tục. HS phải tham gia trực tiếp vào việc đánh giá mức độ học tập của mình (tự đánh giá) và các thành viên khác trong nhóm để nâng cao hiệu quả việc đánh giá. Yêu cầu đối với kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS trong quá trình dạy học HTTN: Phải đánh giá được các năng lực khác nhau của HS. Đánh giá cần phải đảm bảo: tính khách quan; sự công bằng; tính toàn diện; tính công khai; tính GD và tính phát triển.

2.2.5.2. Tổ chức đánh giá kết quả làm việc nhóm

a. Đánh giá đồng đẳng và tự đánh giá của HS

- Đánh giá đồng đẳng trong PPDH hợp tác theo nhóm: Phương pháp đánh giá này được dùng như một biện pháp đánh giá kết quả và cả để hỗ trợ HS trong quá trình học tập theo nhóm. Đánh giá đồng đẳng cho phép HS tham gia nhiều hơn vào quá trình học tập và đánh giá giúp HS làm việc hợp tác, vừa cung cấp thông tin về kết quả HS sau khi được đánh giá mà còn phản ánh được năng lực của người đánh giá về sự trung thực, linh hoạt, sự đồng cảm, trí tưởng tượng.

- Tự đánh giá trong PPDH hợp tác theo nhóm: Tự đánh giá là hình thức đánh giá mà HS tự liên hệ phần nhiệm vụ đã thực hiện với các mục tiêu của quá

trình học. HS sẽ học cách đánh giá các nỗ lực và tiến bộ cá nhân, nhìn lại quá trình và phát hiện những điểm cần thay đổi để hoàn thiện bản thân.Trong quá trình tổ chức vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm, tự đánh giá giúp HS trở nên ý thức hơn về quá trình học tập của mình, những kết quả thu được của bản thân sau mỗi giờ hợp tác, làm việc trong nhóm, những điểm mạnh và điểm yếu đồng thời học cách để tiến bộ hơn trong giờ học sau.

b. Đánh giá theo kĩ thuật dạy học 321

Đây là một kĩ thuật tổ chức DH lấy thông tin phản hồi của nhóm báo cáo hoặc của từng cá nhân, nhằm huy động sự tham gia tích cực của HS sau khi tổ chức hoạt động nhóm. Đây là một hình thức đánh giá đơn giản, GV dễ thực hiện, không mất quá nhiều thời gian. GV có thể hướng dẫn HS nhận xét trên nhiều mặt khác nhau như về nội dung, kiến thức, cách trình bày, diễn đạt của các nhóm.

c. Giáo viên đánh giá hoạt động hợp tác của HS

Theo dõi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS/nhóm theo tiến trình DH, quan tâm tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ của HS để áp dụng biện pháp cụ thể, kịp thời giúp đỡ các em vượt qua khó khăn. Công việc này có thể tiến hành song song hoặc sau khi đã có sự đánh giá giữa các nhóm với nhau. GV nên cùng HS kiểm tra lại kết quả đánh giá của các nhóm có đúng không? Chỗ nào đánh giá chưa đúng thì cần chỉ ra cho toàn lớp biết sai ở đâu và vì sao sai.

2.2.5.3. Tổ chức đánh giá quá trình làm việc theo nhóm của cá nhân HS

Cùng với việc đánh giá kết quả làm việc hợp tác chung của các nhóm, GV cần đánh giá quá trình làm việc theo nhóm của cá nhân HS. Vì, đánh giá quá trình là đánh giá mức độ hình thành khả năng nhận thức trong học tập thông qua việc tìm ra cách học cho bản thân, đây là đánh giá tạo động lực cho sự phát triển của bản thân mỗi người học.

2.3. Biện pháp tổ chức DH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường DBĐHDT

2.3.1. Sử dụng đa dạng các kĩ thuật DH trong thảo luận nhóm

2.3.1.1. Sử dụng kĩ thuật DH "khăn trải bàn"

Kĩ thuật "*khăn trải bàn*" là kĩ thuật tổ chức hoạt động học tập cho HS mang tính hợp tác, kết hợp giữa hình thức học tập cá nhân và hình thức học tập

theo nhóm. Kĩ thuật DH này tạo điều kiện cho HS phát triển năng lực tự học và năng lực giao tiếp, hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề,…. GV sẽ kích thích và thúc đẩy được sự tham gia tích cực của HS đồng thời tăng cường tính độc lập, trách nhiệm cá nhân, sự tương tác giữa HS-HS.

2.3.1.2. Sử dụng kĩ thuật DH " các mảnh ghép"

Kĩ thuật DH "*các mảnh ghép*" là kĩ thuật DH mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm. Nhờ có vai trò làm "*chuyên gia*" của kĩ thuật DH này nên đã kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực, tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS, cũng như việc phát huy các lợi thế của tổ chức dạy học HTTN. Các bước áp dụng kĩ thuật DH*"các mảnh ghép"* trong dạy học HTTN, được tiến hành qua hai vòng: Vòng/giai đoạn 1 gọi là *"nhóm chuyên gia"*; Vòng/giai đoạn 2 gọi là *"nhóm mảnh ghép":*

2.3.1.3. Kĩ thuật "ủng hộ và phản đối"

Tranh luận "*ủng hộ - phản đối*" là một kĩ thuật dùng trong thảo luận, trong đó đề cập về một chủ đề có chứa đựng xung đột. Kĩ thuật DH **ủng hộ và phản đối** trong dạy học HTTN được tiến hành theo các bước cụ thể sau: Bước 1: GV chia lớp thành hai phe theo hai hướng ý kiến đối lập nhau về một luận điểm cần tranh luận. Bước 2: Thành viên trong các phe đưa ra những ý kiến cá nhân, trao đổi trong nhóm và đưa ra các lập luận của nhóm mình. Bước 3: GV tổ chức cho các nhóm đưa ra những ý kiến lập luận của nhóm mình, nhóm đồng việc bổ sung.

2.3.2. Kết hợp PPDH hợp tác theo nhóm với phương pháp sử dụng phương tiện trực quan

Trong DH địa lí, đối tượng nhận thức có tính lãnh thổ, không gian, vận động và biến đổi theo thời gian, có mối quan hệ với các sự vật hiện tượng khác nên thường dùng các loại phương tiện dạy học trực quan đặc trưng để biểu thị như: bản đồ, bảng số liệu, biểu đồ, sơ đồ, tranh ảnh, videoclip,…Các phương tiện trực quan trong DH Địa lí chính là công cụ để HS trao đổi, tiến hành các thao tác tư duy như: phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát… nhằm giải quyết nhiệm vụ được giao.

2.3.3. Kết hợp PPDH hợp tác theo nhóm với PPDH đặt và giải quyết vấn đề

PPDH đặt và giải quyết vấn đề được hiểu là tổ chức quá trình DH bao gồm việc tạo ra tình huống, gợi vấn đề trong giờ học, kích thích ở HS nhu cầu giải

quyết vấn đề nảy sinh, lôi kéo các em vào hoạt động nhận thức tự lực, nhằm nắm vững kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo mới, phát triển tính tích cực của trí tuệ và hình thành ở các em năng lực tự mình thông hiểu và lĩnh hội thông tin khoa học mới. Do vậy, để tạo ra môi trường thuận lợi cho HS trao đổi, hợp tác để giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra thì cần thiết phải dạy học giải quyết vấn đề, nhất là phải tạo ra các tình huống có vấn đề.

2.3.4. Kết hợp PPDH hợp tác theo nhóm với ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học Địa lí tại trường DBĐHDT

Việc ứng dụng CNTT trong DH Địa lí là nâng cao một bước cơ bản chất lượng học tập, tạo môi trường GD mang tính tương tác và hợp tác cao, HS được khuyến khích, tạo điều kiện để chủ động cùng nhau tìm kiếm kiến thức, sắp xếp hợp lý quá trình tự học tập, tự rèn luyện và phát huy năng lực của mình. Tăng cường sử dụng CNTT trong PPDH hợp tác theo nhóm sẽ giúp HS hình thành năng lực sử dụng CNTT để phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và làm việc của bản thân HS.

2.3.5. Kết hợp PPDH hợp tác theo nhóm với việc xây dựng các bài tập nhận thức trong dạy học Địa lí tại trường DBĐHDT

Xây dựng các bài tập nhận thức như bài tập giải thích, bài tập chứng minh hay bài tập so sánh trong quá trình tổ chức hoạt động hợp tác thảo luận cho HS sẽ giúp mang lại hiệu quả giáo dục cao giúp giờ thảo luận hợp tác trở nên sôi động, không còn những vấn đề dễ và nhàm chán đối với HS nữa.

2.4. Một số ví dụ minh họa về vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí ở trường DBĐHDT

2.4.1. Giáo án 1: Một số vấn đề mang tính toàn cầu (1tiết)

1. Mục tiêu bài học: Sau bài học, HS cần đạt được: ***Về kiến thức:*** Trình bày và giải thích được một số vấn đề mang tính toàn cầu. Liên hệ với thực tế của Việt Nam và địa phương về các vấn đề mang tính toàn cầu. ***Kĩ năng:*** Nhận xét được các số liệu thống kê, biểu đồ,…về các vấn đề mang tính toàn cầu. ***Thái độ:*** Nhận thức được để giải quyết các vấn đề toàn cầu cần phải có sự hợp tác và đoàn kết của toàn nhân loại. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sống, có hành động tích cực bảo vệ môi trường với khẩu hiệu "Tư duy toàn cầu, hành động cá nhân". ***Dự kiến các năng lực có thể phát triển cho HS:*** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực trình bày các thông tin Địa lí, năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ,…

2. Chuẩn bị phương tiện: Đối với GV: Số liệu thống kê, tranh ảnh, videoclip,.. về các vấn đề mang tính toàn cầu. Đối với HS: Giáo trình, máy tính, giấy A0, bút dạ,...

3. Phương pháp và kĩ thuật dạy học: Phương pháp động não, Phương pháp đàm thoại gợi mở, phương pháp sử dụng phương tiện trực quan, PPDH hợp tác theo nhóm, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp tự học. Kĩ thuật động não, kĩ thuật các mảnh ghép, kĩ thuật phòng tranh.

4. Hoạt động dạy học

4.1. Hoạt động khởi động (3 phút)

Bước 1: GV sử dụng kĩ thuật động não để tổ chức cho HS đưa ra các ý kiến của mình về những vấn đề mang tính toàn cầu đang đặt ra trên thế giới. **Bước 2:** GV tổng kết các ý kiến và kết nối vào bài học

4.2. Hoạt động nhận thức

Hoạt động 1: Tìm hiểu về một số vấn đề mang tính toàn cầu (30 phút)

Bước 1: GV sử dụng kĩ thuật "*các mảnh ghép*" để tổ chức cho HS tìm hiểu về các vấn đề mang tính toàn cầu đang đặt ra trên thế giới. **Vòng 1** (*Nhóm chuyên gia*): GV chia lớp thành 5 nhóm với các nhiệm vụ cụ thể như: Nhóm 1: Dựa vào giáo trình và khai thác Internet để tìm hiểu về vấn đề bùng nổ dân số trên thế giới (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp). Nhóm 2: Dựa vào giáo trình và khai thác Internet để tìm hiểu về vấn đề dân số già (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp). Nhóm 3: Dựa vào giáo trình và khai thác Internet để tìm hiểu về vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm tầng ôdôn (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp). Nhóm 4: Dựa vào giáo trình và khai thác Internet để tìm hiểu về vấn đề ô nhiễm nguồn nước ngọt và đại dương (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp). Nhóm 5: Dựa vào giáo trình và khai thác Internet để tìm hiểu về vấn đề suy giảm đa dạng sinh học(hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả và giải pháp). **Vòng 2** (*Nhóm mảnh ghép*): GV hình thành nhóm mới với các thành viên đến từ 5 nhóm chuyên gia để thực hiện các nhiệm vụ mới sau: Nhiệm vụ 1: Các thành viên của nhóm chuyên gia phải trao đổi vấn đề đã tìm hiểu cho các thành viên của nhóm mảnh ghép. Nhiệm vụ 2: Các thành viên trong nhóm mới tiến hành trao đổi, thảo luận, thống nhất và hoàn thành bảng sau để thể hiện một số vấn đề mang tính toàn cầu.

Vấn đề toàn cầu	Hiện trạng	Nguyên nhân	Hậu quả	Giải pháp
Vấn đề bùng nổ dân số				
Vấn đề dân số già				
Vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm tầng ôdôn				
Vấn đề ô nhiễm nguồn nước ngọt và đại dương				
Vấn đề suy giảm đa dạng sinh học				

- Khi các nhóm hoàn thành nhiệm vụ, GV sử dụng kĩ thuật "**phòng tranh"** để tổ chức cho HS trình bày sản phẩm, báo cáo và tổng kết.

Hoạt động 2: Liên hệ thực tiễn địa phương (5 phút)

Bước 1: GV sử dụng kĩ thuật động não để tổ chức cho HS liên hệ thực tiễn của địa phương về các vấn đề mang tính toàn cầu đang đặt ra tại nơi mà các em đang sinh sống và giải pháp khắc phục vấn đề đó. **Bước 2:** GV nhận xét, tổng kết ý kiến và gợi ý một số vấn đề đang đặt ra đối với VN nhất là địa phương nơi các em đang sinh sống.

4.3. Hoạt động củng cố (5 phút): **Cách 1:** GV có thể tổ chức cho các nhóm chơi trò chơi thi hát bài hát hoặc câu hát có chữ "xanh". Kết thúc trò chơi, GV có thể nói cho HS liên tưởng ý nghĩa của chữ "xanh" với các vấn đề đang đặt ra trên toàn cầu. **Cách 2**: GV tổ chức cho HS làm rõ ý kiến sau: "*Bảo vệ đa dạng sinh học, duy trì tính toàn vẹn của hệ sinh thái chính là giúp con người giảm nhẹ được những tác động của thiên tai và tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu"*

4.4. Hoạt động nối tiếp (2 phút): Nhiệm vụ 1: Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các vấn đề mang tính toàn cầu. Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị bài học tiếp theo.

2.4. 2. Giáo án 2: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (2 tiết)

2.4.3. Giáo án 3: Trung du miền núi Bắc Bộ (2 tiết)

Chương 3: THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

3.1. Mục đích, nhiệm vụ thực nghiệm

* *Mục đích nhằm:* Đánh giá tính hiệu quả và tính khả thi của việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm với các kĩ thuật DH tích cực trong DH Địa lí ở các trường DBĐHDT.

* *Nhiệm vụ:* Để đạt được mục đích trên, quá trình TN phải giải quyết những nhiệm vụ sau: Chọn đối tượng để thực nghiệm và đối chứng. Tiến hành giảng dạy trên đối tượng TN với việc sử dụng các hình thức, kĩ thuật thảo luận nhóm, đồng thời tiến hành giảng dạy bằng phương pháp truyền thống trên đối tượng ĐC. Xây dựng các biểu mẫu thống kê kết quả TN, xử lí kết quả bằng phương pháp thống kê toán học. Qua đó kiểm tra, so sánh, đối chiếu kết quả của lớp TN và lớp ĐC để chứng minh tính khả thi của các hình thức, kĩ thuật DH trong hợp tác nhóm đã nêu. Đưa ra kết luận khoa học về việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm với các kĩ thuật DH trong DH Địa lí ở các trường DBĐHDT.

3.2. Nguyên tắc thực nghiệm

Đảm bảo tính khoa học, khách quan về khối lượng kiến thức, phải phù hợp với từng đối tượng HS dân tộc. Bài TN phải thể hiện được nội dung của đề tài đề ra. TN phải tôn trọng thời khóa biểu, lịch trình giảng dạy của nhóm chuyên môn, của nhà trường, không làm ảnh hưởng tới hoạt động dạy và học của các lớp được chọn làm TN.

3.3. Đối tượng thực nghiệm

Tác giả lựa chọn 4 lớp HS để tiến hành TN trong tổng số 8 lớp HS khối C khóa 40 của trường DBĐHDT Trung ương Việt Trì trong năm học 2014-2015.

3.4. Phương pháp thực nghiệm

Trong quá trình TN, tác giả tiến hành theo hình thức song song, trong đó tương ứng với phương án TN có một lớp ĐC và một lớp TN. Kết thúc mỗi bài TN, tác giả tiến hành kiểm tra, đánh giá khả năng tiếp thu về kiến thức của bài học ở cả hai nhóm ĐC và TN. Cùng với đó, tiến hành thu thập và đánh giá quá trình tự nhận thức và phát triển của HS sau mỗi giờ học tập HTTN thông qua phiếu tự đánh giá cá nhân.

3.5. Nội dung thực nghiệm

Tác giả đã lựa chọn và thiết kế 3 bài trong chương trình Địa lí của hệ DBĐHDT: Bài 1: Một số vấn đề mang tính toàn cầu, Bài 2: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa, Bài 3: Trung du miền núi Bắc Bộ

3.6. Tổ chức thực nghiệm

3.6.1. Tiến hành thực nghiệm

Tiến hành TN với mục đích nhằm chứng minh tính khả thi cao của các phương án mà tác giả đưa ra trong Luận án để khi ứng dụng thực sự sẽ góp phần vào nâng cao hiệu quả của việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong

DH Địa lí ở trường DBĐHDT Trung ương Việt Trì. Từ đó, để tạo cơ sở khoa học nhằm triển khai và phổ biến rộng đến toàn bộ hệ thống các trường hệ DBDT trên toàn quốc.

3.6.2. Phân tích kết quả thực nghiệm

3.6.2.1. Kết quả định tính

* Về phía GV: Đánh giá về tính hiệu quả của học tập HTTN với các kĩ thuật trong HTTN, sau khi tiến hành TN, tác giả nhận thấy có 48.4% GV dạy Địa lí cho rằng sử dụng HTTN là rất hiệu, 30% GV đánh giá có hiệu quả và chỉ có 21.6 % cho rằng dạy học HTTN còn ít hiệu quả và không có GV phủ nhận PPDH này là không hiệu quả.

* Về phía HS: Nhận thức HS về tính cần thiết của học tập HTTN, qua quá trình điều tra ở các lớp sau khi tổ chức TN, có tới 78.3% HS cho rằng việc học tập Địa lí theo phương pháp HTTN là rất cần thiết và cần thiết, chỉ có 12.1% HS cho là bình thường và 7.6% cho rằng không cần thiết. Đó cũng là kết quả nhận thức tích cực của HS về vai trò của học tập HTTN mà chính bản thân mỗi HS cảm nhận và học tập được sau mỗi giờ hoạt động nhóm.

3.6.2.2. Kết quả định lượng

* ***Kết quả thực TN bài 1***

Tuy cùng một bài học, bài kiểm tra nhưng kết quả thu được ở 2 nhóm lớp TN với ĐC có sự khác biệt: Ở nhóm lớp TN1 với ĐC1: Kết quả điểm trung bình kiểm tra bài 1 ở nhóm TN1 là 7.12 cao hơn so với kết quả 6.34 ở nhóm ĐC1. Ở nhóm lớp TN2 với ĐC2: Điểm khác biệt và chênh lệch lớn giữa hai nhóm TN2 với ĐC2 là số HS đạt điểm giỏi ở nhóm TN2 cao hơn khá nhiều so với nhóm ĐC2: 21.21% > 8.82%. Số HS trung bình của nhóm TN2 khá thấp 18.18%, trong khi đó ở nhóm ĐC2 cao tới 38.23%. Do đó, dẫn đến kết quả điểm trung bình kiểm tra bài 1 ở nhóm TN2 là 7.03 cao hơn so với điểm trung bình ở nhóm ĐC2 là 6.34.

* ***Kết quả TN bài 2***

Ở nhóm lớp TN1 với ĐC1: kết quả điểm số trung bình kiểm tra bài 2 ở nhóm TN1 là 7.56 cao hơn so với kết quả 6.41 ở nhóm ĐC1. Ở nhóm lớp TN2 với ĐC2: Tổng hợp kết quả chung của bài 2 giữa nhóm TN với ĐC và nhận thấy có sự khác biệt lớn về điểm số ở tất cả các mức điểm. Cụ thể, điểm < 5 ở

nhóm TN với 4 bài chiếm 6.06% còn ở nhóm ĐC là 11 bài chiếm tới 15.71%. Đặc biệt, mức điểm 8-8.5 cũng có chênh lệch lớn, nhóm TN có 25 bài chiểm 38.78% trong khi nhóm ĐC có 14 bài đạt 20% và mức điểm 9-10 điểm ở nhóm TN với 7 bài chiếm 10.60% > 4.28% ở nhóm ĐC với 3 bài. Từ đó, điểm trung bình của bài 2 giữa hai nhóm lớp chung cũng khá chênh lệch, điểm trung bình của nhóm TN là 7.38 và nhóm ĐC là 6.48.

**** Kết quả TN bài 3***

Ở nhóm lớp TN1 với ĐC1: kết quả điểm nên điểm số trung bình giữa nhóm TN cũng có xu hướng cao hơn so với nhóm ĐC, điểm trung bình nhóm TN là 6.93 còn lớp ĐC thấp hơn trung bình 6.05. Ở nhóm lớp TN2 với ĐC2: kết quả điểm trung bình kiểm tra bài 1 ở nhóm TN2 là 7.03 cao hơn so với điểm trung bình ở nhóm ĐC2 là 6.34. Do vậy, điểm trung bình ở nhóm lớp TN cũng có sự chênh lệch so với điểm trung bình ở nhóm ĐC, trung bình điểm nhóm TN là 7.07 còn nhóm ĐC là 6.05.

Tổng hợp kết quả thực nghiệm, chúng ta nhận thấy ở nhóm TN: tỉ lệ HS đạt khá giỏi chiếm đa số (69.17% số HS), tỉ lệ HS trung bình, yếu kém chỉ chiếm 1/3 số HS. Trong khi đó, ở nhóm ĐC: tỉ lệ HS đạt điểm trung bình, yếu kém gần tương đương với số HS đạt điểm khá giỏi. Mức độ chênh lệch về kết quả nhận thức giữa hai nhóm lớp đã được thể hiện rõ nét. Cụ thể, xét từ mức điểm 2 đến điểm 7.5, nhóm ĐC có 158 bài, nhóm TN chỉ có 104 bài. Song từ điểm 8 trở lên, nhóm TN chiếm ưu thế hơn hẳn: 94 bài, trong khi nhóm ĐC chỉ có 52 bài. Rõ ràng, càng ở các mức điểm cao, sự khác biệt giữa nhóm TN với ĐC càng rõ nét. Nên điểm số trung bình của nhóm TN đạt 7.15 cao hơn điểm trung bình nhóm ĐC là 6.47.

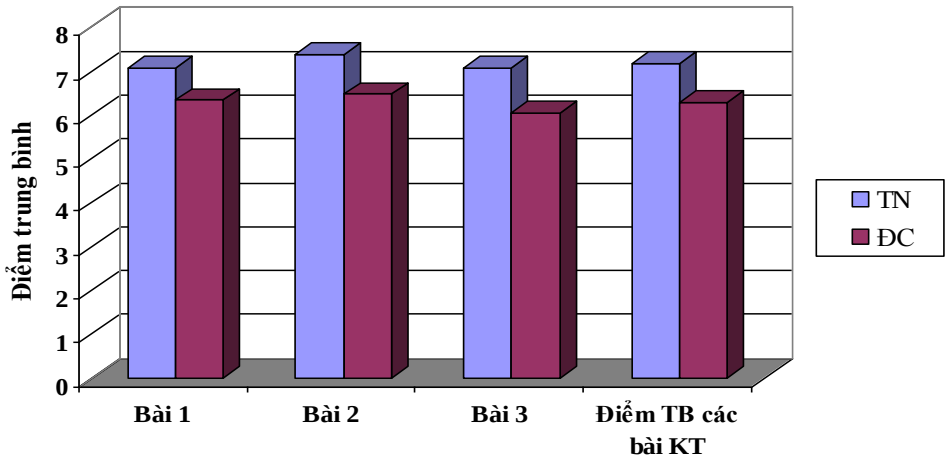

Biểu đồ 3.12. Biểu đồ so sánh tổng hợp điểm trung bình các kiểm tra giữa lớp TN và ĐC

Kết quả điểm kiểm tra sau tác động được thể hiện trong bảng số liệu dưới đây.

Bảng 3.1. Mô tả dữ liệu TN

STT	Đại lượng	Lớp thực nghiệm	Lớp đối chứng
1	Mode	8	7
2	Trung vị	7.5	7.0
3	Giá trị trung bình	7.15	6.47
4	Độ lệch chuẩn	1.69	1.62

Bảng 3.2. So sánh giá trị trung bình điểm số của lớp ĐC và lớp TN

Lớp thực nghiệm	Lớp đối chứng	Giá trị chênh lệch
7.15	6.47	0.68

Bảng 3.3. Mức độ ảnh hưởng của biện pháp tác động

	Lớpthực nghiệm	Lớp đối chứng
Giá trị trung bình	7.15	6.47
Độ lệch chuẩn	1.69	1.62
ES	0.68	

Mức độ ảnh hưởng ES được đánh giá theo bảng tiêu chí Cohen:

Bảng 3.4. Bảng tiêu chí Cohen

Giá trị ES	Ảnh hưởng
> 1.00	Rất lớn
0.8 – 1.00	Lớn
0.50 – 0.79	Trung bình
0.20 – 0.49	Nhỏ
< 0.20	Rất nhỏ

Mức độ ảnh hưởng ES trong nghiên cứu này là 0.68 cho thấy tác động mang lại hiệu quả ở mức độ trung bình. Từ phân tích trên tác giả nhận thấy rõ ràng tổ chức hoạt dạy học HTTN trong DH Địa lí đã tác động khiến các em học tập tích cực và đạt kết quả cao hơn cả về điểm số và nhận thức.

3.6.2.3. Kết quả quá trình tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS sau TN

1) Tự đánh giá đóng góp của cá nhân trong quá trình học tập, làm việc ở các nhóm. Sau lần TN3, thì có tới 75.75% HS trong các nhóm đã tự nhận thức được đóng góp ý nghĩa của mình đối với nhóm trong quá trình hợp tác, 34.85% số cá nhân HS còn lại cũng tự nhận thấy mình đã có những gợi ý hữu ích cho việc hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm.

2) Tự đánh giá quá trình trao đổi, chia sẻ và đóng góp ý kiến: Quá trình HS tự đánh giá về kĩ năng trao đổi, chia sẻ và những ý kiến đóng góp của bản thân HS sau các giờ học tập trong các nhóm cũng có những thay đổi rất tích cực. Sau lần đánh giá TN3 thì 100% HS đều đã tập trung trao đổi, chia sẻ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập chung của cả nhóm. Điều đó chứng tỏ, qua quá trình học tập HTTN học sinh đã có ý thức học tập ngày một cao hơn, phát huy được tư duy phản biện, năng lực hợp tác, chia sẻ và tinh thần trách nhiệm cũng được nâng cao.

3) Tự đánh giá năng lực báo cáo trong quá trình HTTN: Kết quả trong lần tự đánh giá sau TN1 chỉ có 15.15% HS nhận thấy mình được báo cáo và tự tin để báo cáo, trình bày sản phẩm trước lớp và có tới 36.36% HS tự đánh giá bản thân chưa đủ tự tin để báo cáo. Sau lần TN3, có 90.91% HS tham gia hoạt động HTTN được báo cáo và chỉ còn lại 9.09% HS tự đánh giá chưa đủ tự tin, chuẩn bị để báo cáo.

4) Tự đánh giá ý thức làm việc trong các nhóm học tập: Qua quá trình tổ chức hoạt động học tập HTTN đã góp phần nâng cao ý thức học tập, làm việc cũng như phát huy tinh thần trách nhiệm của HS đối với nhiệm vụ học tập của chính bản thân cũng như trách nhiệm đối nhiệm vụ chung, đó cũng là một trong những mục tiêu trong DH theo định hướng phát triển năng lực.

5) Đánh giá, nhìn nhận những thế mạnh của bản thân trong khi làm việc theo nhóm: Sau TN1, TN2 và TN3, cho thấy kết quả rất tích cực về quá trình tự đánh giá, nhận thức được những khả năng của chính bản thân của cá nhân mỗi HS trong hoạt động học tập HTTN. Về khả năng quản lí nhóm trao đổi và báo cáo đã tăng lên 37.88% HS đánh giá về khả năng này ở lần TN2 và tiếp tục tăng lên đạt 50.03% trong lần TN3. Qua tiêu chí tự đánh giá trên, cho thấy trong quá trình tổ chức hướng dẫn cho HS hoạt động hợp tác, làm việc theo nhóm đã từng bước giúp cho HS tự nhận ra được những khả năng mà bản thân có thể làm được tốt nhất.

6) Đánh giá kết quả bản thân thu được sau giờ học HTTN: Kết quả thu được sau ba lần tự đánh giá là 100% HS tự nhân thấy kết quả đầu tiên mà bản thân tiếp thu, hình thành được trong khi học tập làm việc HTTN là kiến thức về Địa lí.

7) Đánh giá, tự nhìn nhận những khó khăn trong quá trình làm việc nhóm: Với biện pháp tổ chức và điều chỉnh kịp thời trong lần tổ chức hoạt động

HTTN tiếp theo, nên trong lần TN2 và TN3 những khó khăn trở ngại của HS đã được giải quyết một cách tích cực. Trong lần TN2 chỉ còn 19.70% HS cho rằng thiếu kĩ năng làm việc nhóm, ngại trao đổi và chia sẻ là trở ngại của bản thân, 15.15% cho rằng sự hướng dẫn chưa rõ rằng của GV gây khó khăn cho bản thân trong quá trình hợp tác và sau lần TN 3 chỉ còn 9.09% HS nhận thấy khó khăn về kĩ năng làm việc và ngại chia sẻ trong nhóm.

8) Đánh giá, nhận thức sự hỗ trợ cần thiết đối với cá nhân khi học tập HTTN

Kết quả sau cả 3 lần TN, thì đều có 100% HS trong cá nhóm đều tự cho rằng bản thân trong quá trình làm việc theo nhóm rất cần sự hỗ trợ, giúp đỡ từ GV và từ các thành viên trong nhóm của mình để hoàn thành nhiệm vụ cá nhân và của cả nhóm.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. PPDH hợp tác theo nhóm là phương pháp GV chia HS trong lớp (nhóm lớn) thành các nhóm nhỏ sao cho tất cả các thành viên trong lớp đều được làm việc, thảo luận và hợp tác với nhau để đưa ra ý kiến chung của nhóm mình về vấn đề đó. Dưới sự điều khiển, hướng dẫn của GV khi tổ chức hoạt động học tập HTTN với các kĩ thuật DH tích cực thì HS được chia thành những nhóm nhỏ, liên kết lại với nhau trong một hoạt động chung để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.

1.2. Thông qua vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong DH Địa lí ở trường DBĐHDT đã tích cực hóa được hoạt động nhận thức của HS, rèn luyện được các kỹ năng của môn học, tiếp tục hình thành và phát triển các năng lực cơ bản cho HS dân tộc như năng lực giao tiếp, năng lực sử dụng CNTT, năng lực hợp tác và làm việc theo nhóm, năng lực thuyết trình, báo cáo. Chính vì vậy, việc sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm là một giải pháp rất thiết thực và hiệu quả.

1.3. Việc vận dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong môn Địa lí nói riêng và trong DH nói chung hiện nay tại các trường DBĐHDT còn hạn chế nhất định. Quá trình tổ chức dạy học HTTN còn chưa được sử dụng nhiều và hiệu quả mang lại chưa cao, đặc biệt các kĩ thuật DH trong quá trình tổ chức vận dụng. Đa số GV còn lúng túng trong cách tổ chức, trong việc lựa chọn các kĩ thuật hợp tác nhóm.

1.4. Khi vận dụng PPDH này thì cần phải đảm bảo các nguyên tắc như: mối quan hệ biện chứng giữa vai trò chủ đạo trong tổ chức, điều khiển, hướng dẫn của GV với tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS, sự hài hòa giữa hình thức học cá nhân, học nhóm và học tập thể, tính hệ thống, tính thực tiễn, tính toàn diện, tính phân hóa trong, bản chất của PPDH hợp tác theo nhóm, và nhất là phải thực hiện theo quy trình gồm 5 bước thống nhất.

1.5. Để nâng cao hiệu quả của việc sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong quá trình DH Địa lí ở trường DBĐHDT thì cần phải quan tâm tới một số vấn đề như: các nguyên tắc vận dụng, quy trình tổ chức vận dụng và các biện pháp để tổ chức hoạt động học tập HTTN.

1.6. Qua phân tích kết quả thực nghiệm sư phạm, chúng tôi nhận thấy việc sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm trong môn Địa ở trường DBĐHDT là có khả thi, thông qua phương pháp này phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng chủ động sáng tạo trong hoạt động nhận thức của HS, tạo điều kiện HS cùng tham gia, chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau.

2. Khuyến nghị

- *Đối với GV:* Để sử dụng hiệu quả PPDH hợp tác theo nhóm thì bản thân mỗi GV cần được tập huấn chu đáo để nắm vững quy trình, các kĩ thuật DH và khả năng kết hợp giữa PPDH hợp tác theo nhóm với các PPDH tích cực khác.

- *Đối với trường DBĐHDT:* Cần khuyến khích và tạo điều kiện cho GV thực hiện việc tổ chức hoạt động dạy học HTTN trong tất cả các bộ môn trong đó có môn Địa lí một cách thường xuyên và khoa học.

- *Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo:* Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo và trực tiếp là Vụ giáo dục Dân tộc cũng cần phải có kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên cho đội ngũ GV ở hệ thống các trường DBĐHDT về đổi mới PPDH nói chung trong đó có PPDH hợp tác theo nhóm.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

1. Tạ Xuân Phương (2012), Trao đổi một số vấn đề vận dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm nhỏ trong dạy học Địa lí lớp 11 THPT, Tạp chí *Dạy và học ngày nay* số tháng 1/2012, tr. 65 - 67.
2. Tạ Xuân Phương (2013), Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm nhằm phát huy tính tích cực của sinh viên trong dạy học Địa lí ở Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương, Tạp chí *Dạy và học ngày nay* số tháng 9/2013, tr. 38 - 41.
3. Tạ Xuân Phương (2013), Sử dụng sơ đồ tư duy để nâng cao hiệu quả dạy học hợp tác nhóm trong môn Địa lí ở trường Dự bị đại học dân tộc, Tạp chí *Giáo dục* số đặc biệt tháng 9/2013, tr.134 - 136.
4. Tạ Xuân Phương (2013), Sử dụng các kĩ thuật dạy học tích cực để nâng cao hiệu quả dạy học hợp tác nhóm trong môn Địa lí ở trường Dự bị đại học dân tộc, Tạp chí *Giáo dục* số đặc biệt tháng 11/2013, tr. 129 - 131.
5. Tạ Xuân Phương (2014), Sử dụng kĩ thuật dạy học các mảnh ghép để tăng hiệu quả hợp tác nhóm trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông, Tạp chí *Giáo dục* số đặc biệt tháng 5/2014, tr.151 - 152.
6. Tạ Xuân Phương (2014), Hợp tác theo nhóm nhằm tích cực hóa hoạt động học tập trong dạy học Địa lí ở trường Dự bị đại học dân tộc, Tạp chí *Thiết bị giáo dục* số 109 tháng 9/2014, tr.39 - 41.
7. Tạ Xuân Phương (2014), Phát triển năng lực cho học sinh thông qua học tập hợp tác theo nhóm trong dạy học Địa lí ở trường Dự bị đại học dân tộc, Tạp chí *Giáo dục và xã hội* số 109 tháng 11/2014, tr. 55 - 57.
8. Tạ Xuân Phương (2014), Tổ chức dạy học hợp tác theo nhóm cho học sinh dân tộc trong dạy học Địa lí ở các trường dự bị đại học dân tộc thực trạng và giải pháp, *Kỷ yếu hội nghị khoa học Địa lí toàn quốc* lần thứ VIII, 11/2014, tr. 987 - 993.
9. Tạ Xuân Phương (2015), Bồi dưỡng năng lực hợp tác theo nhóm trong dạy học Địa lí ở trường Dự bị đại học dân tộc trung ương, Tạp chí *Giáo dục* số 352 tháng 2/2015, tr. 58 - 59.
10. Tạ Xuân Phương (2016), Đánh giá kĩ năng học tập hợp tác theo nhóm của học sinh sau khi học Địa lí ở trường Dự bị đại học dân tộc Tạp chí *Giáo dục và xã hội* số đặc biệt tháng 9/2016, tr.268 - 270.